

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2019/HSST

Ngày: 19-11-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN - TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thọ: Giáo viên hưu trí

2. Ông Nguyễn Ron: Giáo viên hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Diễm là Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Trần An Vinh là Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q., tỉnh B. xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 149/2019/HSST ngày 25 tháng 10 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2019/HSST/QĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn D., Tên gọi khác: D. ruồi; sinh năm: 1994 tại tỉnh B.; Nơi cư trú: Tổ 4, khu vực 1, phường T., TP. Q., tỉnh B; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Phạm Văn T sinh năm 1972 và Phạm Thị Tuyết S sinh năm 1970; chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 04/5/2017, bị Tòa án nhân dân TP. Q. xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong hình phạt ngày 30/12/2017. Tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 20/01/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh B. xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; bị bắt tạm giam từ ngày 10/5/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B.; có mặt.

2. Đặng Trường P., Tên gọi khác: T. Xè sinh năm 1981 tại tỉnh B.; Nơi cư trú: Số nhà 77 đường N., TP. Q., tỉnh B.; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Đặng Trường U (chết) và bà Nguyễn Thị Á. sinh năm 1940; chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 19/6/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh B. xử phạt 07 năm 7 tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt ngày

01/11/2017, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 10/5/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B.; có mặt.

** Bị hại:*

Vợ chồng anh Lê Cao K. sinh năm 1987 và chị Bùi Thị Thanh T. sinh năm 1992; đồng trú tại: Số nhà 146/25/1 đường L., TP. Q.; vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Chị Huỳnh Thị Thu T. sinh năm 1982; trú tại: Tổ 1, khu vực 1, phường N., TP. Q.; vắng mặt.

Vợ chồng anh Lê Quang Hoàng H. sinh năm 1987 và chị Lê Thị Hồng M. sinh năm 1976; đồng trú tại: Số nhà 55/14/9 đường N., TP. Q.; vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Anh Đỗ Minh C. sinh năm 1970; trú tại: Số nhà 105/2 đường C, TP. Q.; vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Xuân P. sinh năm 1982; trú tại: Số nhà 07/7 đường T., TP. Q.; vắng mặt.

Anh Huỳnh Nhật T. sinh năm 1980 sinh năm 1973; trú tại: Tổ 10, khu vực 9, phường N., TP. Q.; vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Anh Lê Phước T. sinh năm 1992; trú tại: Tổ 13A, khu vực 3, phường N., TP. Q.; vắng mặt.

Anh Hà Trung K. sinh năm 1970; trú tại: Số nhà 249/18, đường N., TP.Q.; vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Trường THCS Ngô Mây, TP. Q.; Địa chỉ: 136 đường D., TP. Q., tỉnh B.; Người đại diện theo pháp luật: bà Đặng Thị T., Hiệu trưởng; Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đình T. sinh năm 1970; trú tại: 136 đường D., TP. Q., tỉnh B. (Văn bản ủy quyền ngày 07/5/2019); vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Đỗ Trần K. sinh năm 1990; trú tại: Ki ốt số 01 đường Nguyễn Thị Đ., TP. Q., B.; vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Chị Hồ Diệp C. sinh năm 1971; trú tại: Số nhà 256 đường Đ, Thị trấn T., huyện T., tỉnh B.; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2018 đến tháng 05/2019, Đặng Trường P. và Phạm Văn D. tự mình thực hiện hoặc rủ nhau thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn TP. Q., cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 14^h00 ngày 20/11/2018, Phạm Văn D. một mình điều khiển xe mô tô biển số 77X7-1045 đi ngang qua nhà anh Lê Cao K. ở 146/25/1 đường L., TP. Q., thấy nhà khóa cửa, bên trong không có người nên D. dựng xe trước nhà rồi dùng mũi đục đã chuẩn bị sẵn nạy bẻ ổ khóa, vào nhà lấy 01 con heo đất bên trong có 20.000.000đ; 01 laptop hiệu Dell Vostro 3450; 01 điện thoại di động hiệu Black Berry Passport rồi ra xe tẩu thoát. Trên đường đi, D. vứt mũi đục, ổ khóa dọc đường nhưng không nhớ rõ vị trí và bán điện thoại được 1.000.000đ, laptop được 2.000.000đ cho hai thanh niên không rõ lai lịch.

Ngày 10/5/2019, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự TP. Q. kết luận: Laptop hiệu Dell Vostro 3450 trị giá 3.200.000đ; điện thoại di động hiệu Black Berry Passport trị giá 3.000.000đ.

Vụ thứ hai: Khoảng 14^h00 ngày 03/12/2018, D. tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 77X7-1045 đi ngang qua nhà chị Huỳnh Thị Thu T. ở Tổ 1, KV4, phường N., TP. Q. thấy cửa đóng, bên trong không có người nên D. dựng xe trước nhà rồi dùng tuốc nơ vít đã chuẩn bị sẵn, tháo rời bản lề cửa rồi vào trong lấy 01 sợi dây chuyền có mặt dây hình bông hoa đính một hột màu trắng, bằng vàng 18K, có trọng lượng 02 chỉ 03 phân; 01 cong đeo tay, có mặt hình hoa mai đính một hột màu trắng, bằng vàng 18K, có trọng lượng 03 chỉ 04 phân; 01 nhẫn đeo tay dạng tròn có đính một hột màu trắng, bằng vàng 18K, có trọng lượng 01 chỉ; 02 con heo nhựa bên trong có 1.000.000đ; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2; 01 điện thoại di động không rõ đặc điểm và 200.000đ rồi ra xe tẩu thoát. Trên đường đi về, D. vứt tuốc nơ vít nhưng không nhớ rõ vị trí và đã bán 02 điện thoại di động cho hai người khác không rõ lai lịch lấy 500.000đ; bán dây chuyền, nhẫn, cong vàng cho bà Hồ Diệp C. được 4.000.000đ.

Ngày 24/6/2019, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự TP. Q. kết luận: Sợi dây chuyền có mặt dây hình bông hoa đính một hột màu trắng, bằng vàng 18K, có trọng lượng 02 chỉ 03 phân trị giá 5.635.000đ; chiếc cong đeo tay, có mặt hình hoa mai đính một hột màu trắng, bằng vàng 18K, có trọng lượng 03 chỉ 04 phân trị giá 8.330.000đ; chiếc nhẫn đeo tay dạng tròn có đính một hột màu trắng, bằng vàng 18K, có trọng lượng 01 chỉ trị giá 2.450.000; điện thoại di động hiệu Samsung J2 trị giá 1.000.000đ.

Vụ thứ ba: Khoảng 12^h00 ngày 17/02/2019, D. tiếp tục điều khiển xe 77X7-1045 đi dạo tìm nhà ai sơ hở thì vào trộm cắp tài sản. Khi đi ngang qua nhà anh Lê Quang Hoàng H. ở 55/14/9 đường N., TP. Q. thấy cửa khóa, bên trong không có người nên D. đi mua một tuốc nơ vít rồi quay lại nhà anh H., dùng nước nơ vít này tháo rời bản lề khóa cửa vào trong lấy 04 chiếc đồng hồ đeo tay hiệu Seiko loại SKS559P1, SBPY089G, SSC355P1, SSA379J1 và 01 đồng hồ khác không nhớ rõ đặc điểm rồi ra xe tẩu thoát. Sau đó, D. đến nhà Đặng Trường P. cho P. một chiếc đồng hồ (không xác định được đặc điểm) rồi rủ P. đến nhà anh H. trộm các bình rượu ngâm thì P. đồng ý. D. điều khiển xe 77X7-1045 chở P. đến nhà anh H. rồi đứng ngoài cánh giới để P. vào trong bê 01 bình rượu ngâm sâm Ngọc Linh và 01 bình rượu ngâm Sâm Chít rồi đem đi bán nhưng không có người mua nên mang về nhà P. cất giấu. Trên đường đi, D. vứt tuốc nơ vít nhưng không nhớ rõ vị trí nên không thu giữ được. Tối cùng

ngày, P. đem hai bình rượu vớt xuống biển. Số đồng hồ trộm được D. đem bán cho một số người không rõ lai lịch. Chiếc đồng hồ D. cho P. đã bị mất nên không thu giữ được.

Ngày 24/6/2019, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự TP. Q. kết luận: Đồng hồ Seiko SKS559P1 trị giá 1.800.000đ; Đồng hồ Seiko SBPY089G trị giá 4.100.000đ; Đồng hồ Seiko SSC355P1 trị giá 6.400.000đ; Đồng hồ Seiko SSA379J1 trị giá 8.200.000đ; bình rượu sâm Ngọc Linh trị giá 14.275.000đ; bình rượu Sâu Chít trị giá 2.870.000đ.

Vụ thứ tư: Chiều ngày 07/3/2019, P. gặp bạn tên T. (không rõ lai lịch) nên rủ đi chơi. P. giao xe mô tô biển số 77S9-7929 cho T. chở đi dạo. Đến khoảng 18^h00 cùng ngày, T. chở P. đi ngang qua nhà anh Đỗ Minh C. ở 105/2 đường C., TP. Q. thì P. thấy nhà đề cửa trống, trước nhà có trẻ em chơi nhưng không có người lớn trông coi nên P. nảy sinh ý định vào lấy trộm tài sản. P. nói dối T. đây là nhà người quen và bảo T. dừng xe đứng ngoài đợi còn P. lên vào trong lấy trộm 03 tượng “Phúc, Lộc, Thọ” bằng gỗ rồi mang xe xe T. chở đi. P. nói dối T. là đem tượng đi phun sơn lại nên T. không nghi ngờ gì. Sau đó, T. chở P. đến bến xe buýt đi về còn P. mang 03 tượng gỗ đến chợ đêm Q. bán cho người không rõ lai lịch được 1.000.000đ.

Ngày 10/5/2019, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự TP. Q. kết luận: Ba tượng gỗ “Phúc, Lộc, Thọ” trị giá 4.500.000đ.

Vụ thứ năm: Ngày 16/3/2019, D. rủ P. đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 13^h00 cùng ngày, P. điều khiển xe 77S9-7929 chở D. đi ngang qua nhà chị Nguyễn Thị Xuân P. ở số 07/7 đường T., TP. Q. thì thấy nhà mở cửa, không người trông coi nên P. dừng xe đứng ngoài cảnh giới để D. vào trong lấy 01 điện thoại di động hiệu Oppo A37f và 01 điện thoại di động khác (không rõ đặc điểm) đã bị hỏng nhưng khi ra gặp P., D. nói dối P. chỉ trộm được điện thoại Oppo rồi cùng P. tẩu thoát. Sau đó, P. chở D. đem điện thoại Oppo đi bán được 500.000đ nhưng không rõ địa điểm bán nên không thu hồi được. Tối cùng ngày, D. mang điện thoại còn lại đến nhà cho Lê Xuân H. nhưng do điện thoại bị hỏng nên H. không lấy. Trên đường về, D. vớt điện thoại dọc đường, không nhớ rõ vị trí nên không thu giữ được.

Ngày 10/5/2019, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự TP. Q. kết luận: Điện thoại di động hiệu Oppo A37f trị giá 2.200.000đ.

Vụ thứ sáu: Khoảng 07^h00 ngày 29/4/2019, Đặng Trường P. đi bộ ngang qua nhà đang xây dựng ở số 164 đường D., TP. Q. thì thấy không có người trông coi nên P. vào trong, dùng tuốc nơ vít (có sẵn tại nhà) vặn tháo ốc mở thùng thép đựng thiết bị xây dựng lấy 01 máy bắn laser nhãn hiệu Sincon; 02 cuộn dây điện loại CADIVI CV 2,5 và 01 cuộn dây điện loại CADIVI CV 1,5 của anh Huỳnh Nhật T. rồi tẩu thoát. Cùng ngày, P. bán tài sản trộm được cho một phụ nữ làm nghề thu mua phế liệu không rõ lai lịch được 500.000đ.

Ngày 24/6/2019, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự TP. Q. kết luận: Máy bắn laser nhãn hiệu Sincon trị giá 2.300.000đ; 02 cuộn dây điện loại

CADIVI CV 2,5 trị giá 1.008.000đ; cuộn dây điện loại CADIVI CV 1,5 trị giá 309.000đ.

Vụ thứ bảy: Khoảng 07^h00 ngày 04/5/2019, Đặng Trường P. đi bộ ngang qua quán N. T. thuộc phường N., TP. Q. thì thấy trên quầy thu ngân có 01 laptop hiệu HP của anh Lê Phước T., không người trông coi nên vào trong lấy trộm rồi tẩu thoát. Sau đó, Phi bán laptop này cho anh Đỗ Trần K. với giá 1.500.000đ.

Ngày 24/6/2019, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự TP. Q. kết luận: Laptop hiệu HP trị giá 1.500.000đ.

Vụ thứ tám: Khoảng 16^h05 ngày 05/5/2019, Phạm Văn D đi bộ ngang qua nhà anh Hà Trung K. ở số 249/18 đường N., TP. Q. thấy cửa mở, bên trong nhà không có người nên vào lấy 01 laptop hiệu Dell rồi tẩu thoát. Sau đó, D. đem laptop đi bán nhưng không có người mua nên đem về nhà cất giấu. Chiều ngày 10/5/2019, D. đem laptop đến nhà trả lại cho anh K..

Ngày 24/6/2019, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự TP. Q. kết luận: Laptop hiệu Dell trị giá 700.000đ.

Vụ thứ chín: Khoảng 18^h30 ngày 06/5/2019, Đặng Trường P. đi bộ ngang qua Trường Trung học cơ sở N. tại số 136 đường D., TP. Q. thì thấy không có ai bên trong nên trèo qua tường rào vào trong nhổ một cây sứ bonsai rồi tẩu thoát. Sau đó, P. bán cho một người không rõ lai lịch được 500.000đ.

Ngày 24/6/2019, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự TP. Q. kết luận: Cây sứ bonsai trị giá 7.000.000đ.

Số tiền có được từ việc trộm cắp tài sản nêu trên, Phạm Văn D.. và Đặng Trường P. dùng tiêu xài cá nhân và nhiều lần nhờ Lê Xuân H. mua heroin về để cùng sử dụng chung. H. đã liên hệ một đối tượng nữ tên L. nhưng không rõ lai lịch để mua heroin về sử dụng. Hiện số heroin có được cả ba đã sử dụng hết nên không thu giữ được.

Cơ quan CSĐT - Công an TP. Q. đã tạm giữ: 01 con heo bằng nhựa dài 14cm, màu vàng, đã qua sử dụng, bị rách 4,5cm tại miệng nơi bỏ tiền và 01 con heo bằng nhựa dài 14cm, màu hồng, đã qua sử dụng, bị rách 12cm tại miệng nơi bỏ tiền; 01 laptop hiệu HP và 01 laptop hiệu Dell. Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại Laptop hiệu HP cho anh Lê Phước T.; laptop hiệu Dell cho anh Hà Trung K..

Gia đình Phạm Văn D. bồi thường cho chị Nguyễn Thị Xuân P. số tiền 2.200.000đ; anh Lê Cao K. số tiền 26.200.000đ; chị Huỳnh Thị Thu T. số tiền 18.615.000đ; vợ chồng anh Lê Quang Hoàng H. số tiền 29.073.000đ; anh Hà Trung K. đã nhận lại tài sản. Các bị hại Nguyễn Thị Xuân P.; Huỳnh Thị Thu T., Lê Cao K., Hà Trung K., Đỗ Minh C. không yêu cầu bồi thường gì thêm. Riêng Vợ chồng bị hại Lê Quang Hoàng H. yêu cầu tiếp tục bồi thường số tiền 8.573.000đ; bị hại Huỳnh Nhật T. yêu cầu bồi thường 3.617.000đ; Trường THCS N., TP. Q. yêu cầu bồi thường 7.000.000đ.

Anh Đỗ Trần K. không yêu cầu hoàn trả lại số tiền 1.500.000đ.

Bản cáo trạng số 159/CT - VKSQN ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Q. truy tố bị cáo Phạm Văn D. về tội “Trộm cắp

tài sản” với các tình tiết định khung hình phạt “Có tính chất chuyên nghiệp”, “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” theo các điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS); truy tố bị cáo Đặng Trường P. về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung hình phạt “Có tính chất chuyên nghiệp” theo điểm b khoản 2 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo Phạm Văn D., Đặng Trường P. có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã tự mình hoặc cùng nhau lén lút lấy trộm tài sản của người khác. Từ ngày 20/11/2018 đến ngày 05/5/2019, bị cáo Phạm Văn D. đã thực hiện 04 vụ “Trộm cắp tài sản”, cùng với bị cáo Đặng Trường P. thực hiện 02 vụ, tổng giá trị tài sản bị cáo D. chiếm đoạt và tham gia chiếm đoạt là 85.360.000 đồng; Từ ngày 07/3/2019 đến ngày 06/5/2019, bị cáo Đặng Trường P. thực hiện 04 vụ, cùng bị cáo D. thực hiện 02 vụ, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt và tham gia chiếm đoạt là 35.962.000 đồng. Bị cáo D. đã bị kết án, chưa được xóa án tích, tiếp tục thực hiện 05 vụ “Trộm cắp tài sản”, trong đó có 04 vụ giá trị tài sản chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng; bị cáo P. thực hiện 06 vụ, trong đó có 05 vụ giá trị tài sản chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng, các bị cáo đều không có nghề nghiệp, lấy tài sản trộm cắp làm nguồn sống chính cho bản thân nên Kiểm sát viên giữ nguyên Quyết định truy tố. Các bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích, tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp “Tái phạm”, phạm tội nhiều lần, vì vậy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Tuy nhiên các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo D. đã bồi thường thiệt hại cho các bị hại có yêu cầu nên đề nghị: Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 173, điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Phạm Văn D. từ 36 đến 42 tháng tù; Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Đặng Trường P. từ 24 đến 36 tháng tù. Áp dụng Điều 47; Điều 48 BLHS; Điều 589 Bộ luật dân sự (BLDS); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS), buộc bị cáo Đặng Trường P. bồi thường cho vợ chồng anh Lê Quang Hoàng H. 8.573.000 đồng; bồi thường cho anh Huỳnh Nhật T. 3.617.000 đồng; bồi thường cho Trường THCS N. TP.Q. 7.000.000 đồng; Tịch thu, tiêu hủy vật chứng đang thu giữ.

Các bị cáo không tự bào chữa.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều hối hận về hành vi của mình, đều mong Tòa giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Q., Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q., Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị

hại và những người tham gia tổ tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo Phạm Văn D., Đặng Trường P. là người có đầy đủ sức khỏe, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình, mặc khác bị cáo Phạm Văn D. đã từng bị kết án về tội “Cướp tài sản”, “Trộm cắp tài sản” nên biết rất rõ tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh nhưng vì tham lam, xem thường pháp luật nên đã lợi dụng sự sơ hở của người dân trên địa bàn TP. Q., các bị cáo đã đột nhập vào nhà họ, lén lút lấy trộm tài sản của họ. Từ ngày 20/11/2018 đến ngày 05/5/2019, bị cáo Phạm Văn D. đã thực hiện 04 vụ “Trộm cắp tài sản”, chiếm đoạt của vợ chồng anh Lê Cao K. và chị Bùi Thị Thanh T. tại số nhà 146/25/1 đường L., TP. Q. 01 con heo đất bên trong có 20.000.000 đồng; 01 Laptop hiệu Dell Vostro 3450; 01 điện thoại di động hiệu Black Berry Passport; chiếm đoạt của chị Huỳnh Thị Thu T. 01 sợi dây chuyền có mặt dây hình bông hoa đính một hột màu trắng, bằng vàng 18K, có trọng lượng 02 chỉ 03 phân; 01 cong đeo tay, có mặt hình hoa mai đính một hột màu trắng, bằng vàng 18K, có trọng lượng 03 chỉ 04 phân; 01 nhẫn đeo tay dạng tròn có đính một hột màu trắng, bằng vàng 18K, có trọng lượng 01 chỉ; 02 con heo nhựa bên trong có 1.000.000đ; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2; 01 điện thoại di động không rõ đặc điểm và 200.000đ; chiếm đoạt của vợ chồng anh Lê Quang Hoàng H. 05 chiếc đồng hồ đeo tay hiệu Seiko loại SKS559P1, SBPY089G, SSC355P1, SSA379J1 và 01 đồng hồ không xác định được đặc điểm; chiếm đoạt của anh Hà Trung K. 01 laptop hiệu Dell; cùng với bị cáo Đặng Trường P. thực hiện 02 vụ, chiếm đoạt của vợ chồng anh Lê Quang Hoàng H. 01 bình rượu ngâm sâm Ngọc Linh và 01 bình rượu ngâm Sầu Chít; chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Xuân P. 01 điện thoại di động hiệu Oppo A37f và 01 điện thoại di động không rõ đặc điểm. Ngoài 02 vụ tham gia cùng với bị cáo D. lấy trộm tài sản của vợ chồng anh H. và chị P., bị cáo Đặng Trường P. còn tự mình thực hiện 04 vụ trộm cắp khác, chiếm đoạt của anh Đỗ Minh C. 03 tượng “Phúc, Lộc, Thọ” bằng gỗ; chiếm đoạt của anh Huỳnh Nhật T. 01 máy bắn laser nhãn hiệu Sincon; 02 cuộn dây điện loại CADIVI CV 2,5 và 01 cuộn dây điện loại CADIVI CV 1,5; chiếm đoạt của anh Lê Phước T. 01 laptop hiệu HP, chiếm đoạt của Trường Trung học cơ sở N. 01 cây sứ bonsai. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. Q. thì tổng giá trị tiền, tài sản bị cáo D. chiếm đoạt của các bị hại là 85.360.000 đồng; tổng giá trị tài sản bị cáo P. chiếm đoạt và tham gia chiếm đoạt là 35.962.000 đồng nên các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo D. chiếm đoạt tài sản có giá trị 85.360.000 đồng, các bị cáo không có nghề nghiệp, thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản, trong đó có 05 vụ giá trị tài sản chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng, lấy tài sản trộm cắp làm nguồn sống chính cho bản thân nên Viện kiểm sát nhân dân TP. Q. truy tố bị cáo Phạm Văn D. về tội “Trộm cắp tài sản” với các tình tiết định khung hình phạt “Có tính chất chuyên nghiệp”, “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” theo các điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự

(BLHS); truy tố bị cáo Đặng Trường P. về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung hình phạt “Có tính chất chuyên nghiệp” theo điểm b khoản 2 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương. Các bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích, tiếp tục phạm tội, phạm tội nhiều lần nên đã phạm vào các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” và “Phạm tội từ 02 lần trở lên” được quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS. Các bị cáo chuẩn bị sẵn công cụ phá khóa, phá khóa nhà các bị hại, đột nhập vào nhà họ giữa ban ngày, chứng tỏ các bị cáo rất táo bạo, liều lĩnh và xem thường pháp luật nên cần xử lý nghiêm, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa mới có tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Vụ án có 02 bị cáo tham gia nhưng các bị cáo phạm tội riêng lẻ, chỉ cùng nhau thực hiện chung 02 vụ vào các ngày 17/02/2019 và ngày 16/3/2019, trong đó bị cáo Danh vừa là người rủ vừa là người thực hành, trực tiếp đột nhập vào nhà bị hại lấy tài sản, bị cáo P. vừa trực tiếp vào nhà vợ chồng anh H. lấy 02 bình rượu sâm vừa giúp sức cho bị cáo D. bằng việc đứng bên ngoài cảnh giới để bị cáo D. vào nhà chị P. lấy điện thoại di động. Bị cáo D. phạm vào nhiều tình tiết định khung hình phạt hơn nên cần xử phạt nghiêm khắc hơn bị cáo P..

Tuy nhiên, tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo D. đã bồi thường thiệt hại cho các bị hại bị cáo có trách nhiệm bồi thường nên bị cáo D. được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS, bị cáo P. được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử các bị cáo với mức án có lý, có tình để bị cáo an tâm cải tạo sớm tái hòa nhập với cộng đồng.

[4] Hồ Diệp C. có hành vi mua tài sản bị cáo D. lấy của bị hại Huỳnh Thị Thu T. đem mang đến bán nhưng không biết đó là tài sản do bị cáo D. phạm tội mà có nên không phạm tội “Tiêu tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Lê Xuân H. có hành vi nhận tiền của các bị cáo đi mua ma túy về sử dụng chung nhưng không biết đó là tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên không phạm tội “Tiêu tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[5] Bồi thường thiệt hại:

Bị cáo D. lấy tiền, tài sản của vợ chồng anh K., chị T., tài sản của chị T. chi tiêu và bán lấy tiền chi tiêu. Tài sản không thu hồi được, gia đình bị cáo đã bồi thường cho vợ chồng anh K., chị T. tiền và giá trị tài sản bị chiếm đoạt theo giá Hội đồng định giá đã định, tổng cộng 26.200.000 đồng, bồi thường cho chị T. giá trị tài sản theo giá Hội đồng định giá đã định là 18.615.000 đồng. Vợ chồng anh K., chị T., không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét.

Bị cáo Phạm Văn D. lấy trộm của vợ chồng anh Lê Quang Hoàng H. 05 chiếc đồng hồ, trong đó có 01 chiếc đồng hồ sau khi lấy bị cáo cho bị cáo P. nhưng bị cáo P. đã làm mất, không rõ nhãn hiệu, không xác định được đặc

điểm nên không định giá được. Những chiếc đồng hồ khác bị cáo mang bán cho một người đi đường nên không thu hồi được, vợ chồng anh H. không yêu cầu bồi thường chiếc đồng hồ không định giá được, chỉ yêu cầu bồi thường giá trị 04 chiếc đồng hồ còn lại theo giá Hội đồng định giá đã định là 20.500.000 đồng. Bị cáo D. đã bồi thường cho vợ chồng anh số tiền này. Vợ chồng anh H. không có yêu cầu gì thêm đối với 05 chiếc đồng hồ bị bị cáo D. chiếm đoạt nên không xét.

Bị cáo Phạm Văn D. cùng bị cáo P. lấy trộm của vợ chồng anh H., chị M. 02 bình rượu mang đi bán nhưng không bán được nên các bị cáo đã vứt bỏ. Vợ chồng anh H. yêu cầu bồi thường giá trị 02 bình rượu theo giá Hội đồng định giá đã định là 17.145.000 đồng nên 02 bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho vợ chồng anh H. số tiền này. Chia phần mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường $\frac{1}{2}$ là 8.573.000 đồng. Gia đình bị cáo D. đã bồi thường cho vợ chồng anh H. 8.573.000 đồng, số còn lại bị cáo P. có trách nhiệm bồi thường.

Bị cáo D. cùng bị cáo P. lấy trộm của chị Nguyễn Thị Xuân P. 02 chiếc điện thoại di động, 01 chiếc hiệu Oppo A37f và 01 chiếc bị hỏng không rõ đặc điểm. Điện thoại Oppo A37f các bị cáo mang đi bán chia nhau tiêu xài không thu hồi được. Chị P. chỉ yêu cầu bồi thường giá trị chiếc điện thoại Oppo A37f theo giá Hội đồng định giá đã định là 2.200.000 đồng nên 02 bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị số tiền này. Bị cáo D. đã bồi thường cho chị số tiền này, chị P. không yêu cầu gì thêm, bị cáo D. không có ý kiến gì khác nên không xét.

Anh Hà Trung K. đã nhận lại chiếc Laptop bị cáo D. lấy trộm, không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xét.

Anh Lê Phước T. đã nhận lại chiếc Laptop bị cáo P. lấy trộm, không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xét.

Bị cáo P. lấy trộm của lấy của anh Đỗ Minh C. 03 tượng Phước, Lộc, Thọ bằng gỗ, lấy của anh Huỳnh Nhật T. 01 máy laser nhãn hiệu Sincon, 02 cuộn dây điện, lấy của Trường THCS N. 01 cây sứ bonsai, bán cho những người đi đường không thu hồi được. Anh C. tự nguyện không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xét. Anh T., người đại diện hợp pháp của Trường THCS N. yêu cầu bồi thường giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt theo giá Hội đồng định giá đã định: Cụ thể: anh Huỳnh Nhật T. yêu cầu bồi thường 3.617.000 đồng; Trường THCS N. yêu cầu bồi thường 7.000.000 đồng nên bị cáo P. phải có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ số tiền trên.

Anh Đỗ Trần K. mua Laptop hiệu HP bị cáo P. lấy của anh T. mang đến bán với giá 1.500.000 đồng. Laptop đã bị thu hồi trả lại cho anh T., anh K. tự nguyện không yêu cầu bị cáo P. hoàn lại cho anh 1.500.000 đồng nên không xét.

[6] Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS

Xét số vật chứng đang thu giữ là đồ vật dùng đựng tiền của vợ chồng anh K., và chị T. đã bị hư hỏng, không có giá trị kinh tế nên tịch thu, tiêu hủy. Mũi đục, tuốc nơ vít các bị cáo sử dụng làm công cụ phá khóa nhà các bị hại các bị cáo vứt bỏ không thu hồi được nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Về án phí:

Các bị cáo bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo P. còn phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại có yêu cầu nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136; Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn D., Đặng Trường P. đều phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: Điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm h, g khoản 1 Điều 52 BLHS; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn D. 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 10/5/2019.

-Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm h, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Trường P. 02 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 10/5/2019.

2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 589 BLDS

Buộc bị cáo Đặng Trường P. phải bồi thường cho vợ chồng anh Lê Quang Hoàng H. và chị Lê Thị Hồng M. 8.573.000 đồng; bồi thường cho anh Huỳnh Nhật T. 3.617.000 đồng; bồi thường cho Trường THCS N., TP.Q. 7.000.000 đồng.

Kể từ ngày anh H. và chị M., anh T., Trường THCS N., TP. Q. có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo P. không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền trên thì phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357; Điều 468 BLDS.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS

Tịch thu, tiêu hủy: 01 con heo nhựa dài 14 cm, màu vàng, đã qua sử dụng, bị rách 4,5cm tại vị trí tiền bỏ vào trong; 01 con heo nhựa dài 14 cm, màu hồng, đã qua sử dụng, bị rách 12cm tại vị trí tiền bỏ vào trong theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự, TP. Q. 4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Đặng Trường P. chịu 969.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có quyền kháng cáo bản án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Dương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

